



## Con lợn trong văn hóa dân gian

Nguyễn Hữu Thức<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup> Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

\*Email: huuthuc55@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

10/12/2018

Ngày duyệt đăng:

10/3/2019

Từ khoá:

Con lợn; con lợn trong văn hóa.

### Tóm tắt

Con lợn, còn gọi là con heo (cách gọi của người miền Nam), lợn, thi theo âm Hán Việt. Lợn là vật sống hoang dã ở tự nhiên, cách ngày nay khoảng 1 vạn năm con người đã thuần dưỡng được loài lợn, biến loài lợn rừng thành lợn nhà. Lợn trở thành vật nuôi có vai trò đặc biệt quan trọng về mặt kinh tế, đồng thời còn là con vật xuất hiện khá nhiều trong sinh hoạt văn hóa dân gian. Nó xuất hiện hầu hết ở các sự kiện văn hóa lớn trong gia đình và cộng đồng của người nông dân. Ngoài ra, hình ảnh con lợn được nghệ thuật hóa trong văn học nghệ thuật tạo nên dòng mạch văn hóa về loài lợn.

Con lợn, còn gọi là con heo (cách gọi của người miền Nam), lợn, thi theo âm Hán Việt, là con vật xuất hiện khá nhiều trong sinh hoạt văn hóa dân gian, tạo nên dòng mạch văn hóa về loài lợn.

Chúng ta đều biết, khởi thủy lợn là vật sống hoang dã ở tự nhiên và giờ đây chúng vẫn còn sống ở đó. GS. Trần Quốc Vượng cho rằng: “Đến thời đá mới – thời đại nảy sinh và bước đầu phát triển nông nghiệp – (10.000 – 6.000 năm cách ngày nay) thì loài người đã thuần phục (bắt lợn rừng – lợn cỏ, con bị thương nhẹ của mũi tên bắn, con lợn rừng con... - nhốt vào một hàng rào khép kín) rồi thuần dưỡng được loài lợn, biến loài lợn rừng thành lợn nhà (nuôi trong chuồng – hay thả rông)”<sup>2</sup>

Từ khi lợn rừng thành lợn nhà, lợn trở thành vật nuôi có vai trò đặc biệt quan trọng về mặt kinh tế của mỗi gia đình nông dân. Trong chữ Hán, được nhà nước phong kiến Việt Nam sử dụng cho tới những thập niên đầu thế kỷ XX, mỗi hộ dân được gọi là gia đình, chiết tự chữ Hán, gia (家) có nghĩa là nhà, đình nghĩa là sân trước nhà. Chữ nhà được ký tự bởi hai bộ: bộ miên (宀), nghĩa là mái nhà và bộ thi (豕), nghĩa là

con lợn. Điều này chứng tỏ, con lợn là một thành tố không thể thiếu ở mỗi gia đình trong xã hội nông nghiệp.

Trong diễn trình phát triển của loài người, con người luôn luôn đối mặt với những diễn biến khó lường, bất trắc của thế giới tự nhiên và xã hội. Một khi con người “bất khả tri” về các sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội thì họ quy cái đó thuộc về thế giới thần linh. Và, con người thực hiện các nghi lễ để giao cảm cá nhân, cộng đồng với các thần linh. Nhiều con vật nuôi trong nhà trở thành vật hiến sinh trong các nghi lễ của gia đình và cộng đồng. Riêng đối với con lợn, nó xuất hiện hầu hết trong các sự kiện lớn (cưới, tang, mừng thọ, lễ hội...) của người nông dân.

Trong lễ cưới, thủ lợn không chỉ là vật dâng lễ mà còn là biểu tượng cho sự tôn trọng của nhà trai đối với nhà gái của người Việt ở Bắc Bộ. Trước năm 1945, nhà trai sang nhà gái đón dâu bao giờ cũng sắm một ván (mâm) xôi gấc đỏ au, trên xôi đỏ là một mặt (thủ) lợn đầy đặn, sạch sẽ. Xưa xưa nữa, cái thủ lợn trong việc cưới còn là một quy ước, một biểu tượng về sự chung thủy của cô dâu mà nhà trai muốn thông điệp cho nhà gái. GS. Trần Quốc Vượng cho biết: “Có một tục lệ này ở người Việt xưa: Nếu sau khi biết rõ cô dâu đã “mất trinh trước/sau khi “động phòng hoa chúc” thì cái thủ lợn (luộc/quay) bị xẻo tai đem trả nhà

<sup>2</sup> Trần Quốc Vượng (2007), Chuyện văn về con lợn trong nền văn hóa Việt Nam, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 275-276; <https://xuanay.vn/chuyen-van-ve-con-lon-trong-ncn-van-hoa-viet-nam/truy> cập ngày 02/12/2018.

dâu/thân gia – “ngượng đến chết đi được” trước tai mắt hàng xóm láng giềng (nay tục này đã đổi)”<sup>3</sup>.

Đối với người Thái ở Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, con lợn chẳng những là vật dâng lễ tổ tiên, các vị thần linh chúng giám đôi trai gái nên vợ thành chồng mà lợn còn là vật phẩm để ghi nhận công lao, tình nghĩa của nhà trai đối với nhà gái và ông mối - người đóng vai trò tác thành cho đôi lứa. Sau nghi lễ, con lợn cúng được hạ xuống, nhà trai vít tai lợn đến đâu thì cắt lấy thủ lợn từ chỗ đó để dành biếu nhà gái. Tiếp theo, nhà trai lấy một phần thịt ở hai bên mõng lợn trong đó có đoạn xương đùi sau khoảng 15 cm buộc thêm hai gói thịt có đủ loại thịt cùng ngũ tạng của con lợn, trừ thủ và khấu đuôi vào khúc xương đó, kèm theo cái chân giò trước để làm phần biếu trả công ông mối.

Những sự kiện văn hóa lớn của cộng đồng như tổ chức lễ hội, tế lễ thành hoàng làng, dân làng làm lễ tam sinh dâng lên thần, thánh. Đó là ba con vật: gia cầm (gà, vịt...), tiểu gia súc (lợn), đại gia súc (trâu, bò, dê...). Ở một số làng đưa ra những quy định chặt chẽ trong việc chọn giống lợn, chăn nuôi lợn, dâng lên tế thần. Ví dụ, ở xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, dân làng tổ chức lễ hội, tương truyền tưởng nhớ hai chị em là Lê Á Lan và Lê Anh Tuấn – nữ tướng của Hai Bà Trưng, vào ngày mùng 10 tháng giêng hàng năm, tại đền Nghè. Trong lễ hội, dân làng nhất thiết phải có lễ vật dâng tế là lợn đen tuyền lên các vị thần. Lợn đen tuyền hàm ý là lợn sạch sẽ, không pha tạp. Trước đó, dân làng chọn một gia đình khá giả, nhà cửa khang trang, rộng rãi, trong năm không có bụi (tang), chủ nhà phải đủ tuổi vào lão trở lên, con cháu mạnh khỏe, ngoan hiền để nuôi lợn thờ. Trước ngày tổ chức lễ hội khoảng một tháng, hàng ngày, chủ nhà nấu cháo trắng cho lợn ăn, tắm rửa lợn sạch sẽ, người cho lợn ăn phải là nam giới khỏe mạnh. Làng có ruộng công để chủ nhà thu hoa lợn chăm nuôi lợn. Dân làng đến xem, ai cũng gọi lợn tế là ông i.

Điều cần lưu ý là, con lợn dùng làm vật hiến tế của cộng đồng ở vùng đồng bằng Bắc Bộ phải là giống lợn i. Đây là giống lợn được nuôi phổ biến ở các làng xã. Giống lợn này bề ngoài trông mũm mĩm, mặt lợn to, má đầy đặn, mõm ngắn, chân thấp, bụng to, căng đầy. Hình dáng lợn trông rất phồn thịnh, thể hiện sự no đủ, béo tốt, nhân nhả.

Ngoài lợn rừng đã được thuần dưỡng nuôi ở nhà, hiện nay ở khu vực rừng núi nước ta vẫn còn nhiều lợn rừng sống tự nhiên, dân thường gọi là lợn lòi. Giống lợn này thân dài, có con dài đến 2m, cao trên 1m, mõm dài, chân cao, da dày, lông xù màu đen hoặc vàng nâu, phàm ăn. Đặc điểm của lợn lòi là răng nanh cong nhọn chìa ra trước miệng. Những con sống lâu năm răng càng to và cong. Từ xưa, răng nanh của lợn rừng đã trở thành vật thiêng, truyền rằng có năng lượng xua đuổi tà ma được các thầy mo, thầy trượng của người Mường ở tỉnh Hòa Bình cho vào túi khốt (túi thiêng) cùng các vật lạ khác như riu đá, đá thạch anh, chân gà rừng... luôn được các ông mang theo như thứ bùa hộ mệnh. Ngày nay, răng nanh lợn lòi được chế tác thành vật trang sức gắn vào sợi dây bạc đeo trước cổ các chàng trai. Một số nơi ở vùng người Mường, người Thái, các chàng trai đi săn được lợn rừng, họ thường giữ lấy bộ xương sọ, rửa sạch, để gác bếp một thời gian cho hết mùi tanh, sau đó treo lên vách nhà, coi đó là biểu tượng tài năng săn bắn của mình.

Không biết tự bao giờ, người Việt có tục, hễ gần ngày giáp tết chủ nhà thường mua chú lợn bằng đất sơn màu xanh đỏ tặng các trẻ nhỏ. Đón tết mừng năm mới xuân về, các em được tiền mừng tuổi, bố mẹ hướng dẫn các em bỏ tiền vào bụng lợn, gọi là cho lợn ăn. Khi nào tiền đầy trong bụng thì “mỏ” lợn xem được bao nhiêu tiền hoặc chưa đầy tiền nhưng trẻ có việc gì cần thì “mỏ” lợn xem số tiền tiết kiệm được bao nhiêu. Con lợn đất đã trở thành con vật biểu tượng, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc về ý thức tiết kiệm đối với con trẻ.

Hình ảnh con lợn được nghệ thuật hóa trong tranh dân gian để người người nông dân Bắc Bộ chơi vào dịp tết. Trước năm 1945, vùng đồng bằng Bắc Bộ có ba dòng tranh: Tranh Đông Hồ, tranh Kim Hoàng và tranh Hàng Trống. Tranh Hàng Trống ở 36 phố phường Hà Nội phản ánh sinh hoạt của người dân phố thị còn tranh Kim Hoàng, Đông Hồ ở vùng nông thôn, trong số các bức tranh người dân thường dùng, bao giờ cũng có bức tranh về con lợn.

Tranh Đông Hồ có hai bức điển hình được vẽ trên giấy dó màu trắng hoặc vàng chanh: Thứ nhất là bức tranh *lợn đàn*, lấy lợn i mẹ, toàn thân màu trắng, điểm màu nâu đỏ đang mở miệng cười làm trung tâm và phía dưới bụng quay quần năm chú lợn con, kiểu dáng, màu sắc khác nhau đang vui đùa. Bức tranh này bố cục chặt chẽ thể hiện ước vọng sinh sôi, nảy nở, no đủ, vui vầy “nhà đông con như tre ẩm bụi” của người

<sup>3</sup> Trần Quốc Vượng (2007), Chuyện văn về con lợn trong nền văn hóa Việt Nam, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 275-276; <https://xuanay.vn/chuyen-van-ve-con-lon-trong-nen-van-hoa-viet-nam/truy> cập ngày 02/12/2018.

nông dân. Thứ hai là *lợn ăn lá dáy*, thể hiện hình tượng một con lợn với nét vẽ đen làm khuôn hình, màu trắng hoặc màu vàng chanh toàn thân và chấm các mảng màu đỏ nâu, xanh, đen đang ngoặm thân cây dáy. Điều đáng lưu ý là các nghệ nhân dân gian dòng tranh Đông Hồ đã diễn hình hóa hình ảnh con lợn i thực ở đồng bằng Bắc Bộ với đường nét vẽ cách điệu, tạo cảm giác vui nhộn, màu sắc “tươi trong”, chữ dùng của nhà thơ Hoàng Cầm và truyền đạt thông điệp của bức tranh rất kiệm lời qua hai biểu tượng hình tròn âm dương ở thân và móng lợn nái, nói về triết lý sinh sôi không ngừng.

Dòng tranh Kim Hoàng, nay đã thất truyền, có lối thể hiện hình ảnh con lợn riêng, khác hẳn với dòng tranh Đông Hồ. Hình ảnh con lợn được in trên nền giấy màu đỏ hoặc hồng điều với mảng màu đen hoặc tím, và các nét vẽ màu trắng tạo sự tương phản giữa các màu đỏ - đen (tím) – trắng. Điều đáng chú ý là hình tượng con lợn trong tranh Kim Hoàng mang tính cách điệu cao qua những nét vẽ tay màu trắng phóng khoáng, vui mắt, thể hiện tài năng và sự truyền cảm hứng của mỗi nghệ nhân. Cùng vẽ về con lợn nhưng tranh Kim Hoàng đã không sử dụng vòng tròn xoáy âm dương mang tính ước lệ trên thân con lợn tạo cho mỗi bức tranh một diện mạo riêng.

Dân gian còn sáng tạo các mặt nạ mặt lợn dùng cho trẻ em đeo vui chơi vào những đêm trăng sáng, nhân dịp rằm tháng tám, gọi là Tết Trung thu, tết dành cho trẻ nhỏ.

Hình ảnh con lợn được người nông dân quan sát, vận dụng vào tục ngữ, ca dao. Khi nói về vai trò của bố chồng đối với nàng dâu, tục ngữ đúc rút: *“Bố chồng là lông con lợn, mẹ chồng như tượng mới tô, nàng dâu mới về là bỏ chịu chửi”*. Còn nói về tình cảm của chàng trai với cô gái mình yêu, ca dao có câu: *“Anh giúp một thúng xôi vò, Một con lợn béo, một vò rượu tăm”*; *“Yêu nhau chẳng lấy được nhau, con lợn bỏ đôi, buồng cau bỏ già”*. Khi nói về sự tương thích thịt lợn với các loại rau thơm đi kèm, tục ngữ có câu: *“Con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua tôi đồng hành...”*.

Thịt lợn là thực phẩm được dùng thường nhật của con người, do vậy đã hình thành dòng văn hóa ẩm thực về thịt lợn. Con người đã sáng tạo ra rất nhiều cách chế biến thực phẩm thịt lợn độc đáo. Đó là cách chế biến thịt lợn tạo thành các loại giò: giò lụa, giò thủ, giò xào, giò mỡ... Các loại chả: chả nướng, chả quế, chả đậu... của người Việt. Lợn sữa quay, nướng cả con ăn với lá mắc mật; thịt lợn ba chỉ tươi ngon, cắt

miếng dài, ướp gia vị, quay vàng, hầm chín, hấp cách thủy, gọi là khâu nhục của người Tây Nùng vùng Lạng Sơn. Thịt lợn ướp gia vị, kho với nước hàng (nước đường nâu cô đặc sánh), gọi là thịt lợn kho Tàu của người miền Bắc. Thịt lợn muối chua trong chum của người Dao, trong ống nứa của người Mường. Người Mường ở Hòa Bình có món táp thịt lợn, lấy thịt nạc lợn thái mỏng, bóp với củ riềng già giã nhỏ. Thịt lợn là thành phần không thể thiếu trong mỗi chiếc bánh chưng xanh trong ngày tết cổ truyền của dân tộc Việt.

Người Mường, người Thái ở vùng Tây Bắc có kiểu làm cỗ lá. Thịt lợn sau khi chế biến, sẽ được bày lên lá chuối rừng với đầy đủ mọi thứ thịt, ngũ tạng của con lợn.

Một số địa phương còn tổ chức thi làm cỗ từ thịt lợn thể hiện sự nhanh tay hay mắt của mỗi gia đình và nhóm cộng đồng. Diễn hình là lễ hội chạy lợn ở làng Duyên Yết, xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, Hà Nội, tổ chức vào ngày mùng 7 tháng giêng diễn ra ở đình làng, nơi thờ Thành Hoàng Cao Sơn đại vương ở đời Hùng Vương thứ 18, cứ ba năm diễn ra một lần, thi làm cỗ từ thịt lợn để khao quân. Làng có ba xóm, trong năm mỗi xóm chọn một gia đình nên nếp, từ tế, không vương bụi (tang) để nuôi lợn. Ông lợn khi đem đi thi có trọng lượng khoảng 60 kg. Cách 10 ngày đem lợn ra thờ thần, gia đình phải cho lợn ăn cháo gạo nếp, hàng ngày tắm nước lá thơm. Mỗi xóm chọn 21 chàng trai khỏe mạnh, sống từ tế, đạo đức tham gia chạy lợn. Ngày chính hội, các xóm rước lợn vào sân đình, trình Thành Hoàng và đưa về chỗ quy định. Sau khi có hiệu lệnh trống của ban tổ chức lễ hội, đoàn chạy lợn mỗi xóm nhanh chóng đưa lợn vào nơi làm cỗ thờ. Mỗi mâm cỗ phải đủ 9 sản phẩm từ thịt lợn: thủ, đuôi, tẻ vai (thịt vai), tẻ mông, gầu o (ức), gầu bụng, đĩa tiết, đĩa ngũ tạng (tim, gan, phổi, lá lách, cật) và lá mỡ chà phủ lên thủ lợn. Thời gian chạy lợn làm xong mâm cỗ với đầy đủ các món theo quy định, chỉ trên dưới 2 phút. Mâm cỗ nào đạt giải thưởng là mâm cỗ làm nhanh, các món sạch sẽ, đẹp mắt. Xóm nào được giải nhất họ tâm niệm năm ấy dân xóm khỏe mạnh, làm ăn gặp nhiều may mắn.

Chạy lợn làm cỗ dâng Thành Hoàng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên, qua đó phát huy tinh thần cố kết cộng đồng làng xã. Lễ hội Chạy lợn đã trở thành một sinh hoạt văn hóa độc đáo của làng Duyên Yết góp vào dòng văn hóa về con lợn ở nước ta.

Hiện nay, Nhà nước ta sử dụng Dương lịch để chuẩn hóa thời gian trong các quan hệ xã hội nhưng trong dân gian rất nhiều sinh hoạt văn hóa dân ta vẫn theo âm lịch. Đặc điểm của âm lịch là dựa vào sự kết hợp của Thiên can (10 can): giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý với Địa chi (12 chi): tí, sửu, dần, mão, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi để đặt tên cho năm và cho ngày. Cứ 60 năm hoặc 60 ngày thì quay lại tên của năm, hoặc ngày ban đầu. *Hợi* âm Hán Việt với nghĩa là con lợn là chi cuối trong 12 chi của Địa chi. Trong văn hóa dân gian, người dân nhận thức về con lợn có cả phẩm chất tốt và xấu. Đối với phẩm chất tốt của lợn, người dân cho rằng lợn thuộc dòng âm nên tính tình ôn hòa, nhã nhặn, sung mãn, phồn thực, vui vẻ, hạnh phúc. Người nào sinh vào năm *Hợi* thường cuộc đời gặp nhiều may mắn, cuộc sống sung sướng, đủ đầy. Mặt khác dân gian cũng quan niệm ở con lợn cũng thể hiện một số tính xấu như quy cho lợn là dốt nát “ngu như lợn”, là bản thiu “bản như lợn”, là tham ăn “tham như lợn”...

Hình tượng con lợn còn được thể hiện trong văn hóa, văn nghệ ở một số nước. Văn học cổ Trung Quốc nổi tiếng với tác phẩm kinh điển *Tây Du Ký* của tác giả Ngô Thừa Ân, phản ánh quá trình nhà sư Huyền Trang (Đường Tam Tạng) gian truân đến miền Tây Trúc (Ấn Độ) thỉnh Kinh Phật giáo mang về Trung

Quốc. Trong số đồ đệ theo Đường Tam Tạng có nhân vật Tru Bát Giới mình người, mặt lợn, tài ba nhưng háu ăn và hiếu sắc (thích gái), mà có nhà phê bình cho rằng Tru Bát Giới là đại diện cho tầng lớp thị dân trong xã hội Trung Quốc đương thời. Ở Ấn Độ, những tín đồ theo đạo Hindu giáo (còn gọi là Ấn Độ giáo) thờ ba vị thần tối cao là thần Brama (thần tạo lập), thần Visnu (thần bảo trợ), thần Siva (thần vừa hủy diệt, vừa sáng tạo). Thần Visnu từng giáng trần đến 9 lần và “trong 6 lần đầu thần xuất hiện dưới dạng các động vật như cá, lợn rừng...”, cứu độ chúng sinh.

Một điều đặc biệt là, cho dù con lợn đem đến cho con người thực phẩm dồi dào nhưng những tín đồ hồi giáo lại bị cấm không ăn thịt lợn vì họ cho rằng đó là loại thực phẩm không tinh khiết, điều này được ghi trong kinh Qu’ran.

Trên đây là đôi điều suy ngẫm về con lợn trong dòng chảy văn hóa dân gian.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Dương Minh (Chủ biên) (2012), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam;
2. Trần Quốc Vượng (2007), *Chuyện văn về con lợn trong nền văn hóa Việt Nam*, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 275-276.

## Pig in folklore

Nguyen Huu Thuc

---

### Article info

*Received:*  
10/12/2018  
*Accepted:*  
10/3/2019

---

*Keywords:*

*Pig; pig in culture.*

---



---

### Abstract

The pig, also known as the pig (called by the Southern people), Pig, according to the Sino-Vietnamese sound. Pigs are wild animals in the nature, about 10,000 years ago, people have domesticated wild pigs into domestic pigs. Pigs become pets that play a particularly important role in terms of economics, while also being an animal that appears quite a lot in folklore activities. It appears mostly at large cultural events in the family and community of farmers. In addition, the image of the pig is artisticized in art literature, creating a cultural flow of pigs.

---